

Bản án số: 1156/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-10-2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

2- Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 734/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 11B, đường Hồ Văn T, tổ 09, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Công H, sinh năm 1991; Địa chỉ tạm trú: Số 11B, đường Hồ Văn T, tổ 09, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Ông Phạm Công H hiện đang chấp hành thi hành án phạt tù tại: Khu C, trại giam Z30D, Bộ Công an; Địa chỉ: Thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 05/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Bà với ông Phạm Công H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2014, đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 270, quyền số 02/2014, ngày 29/12/2014. Sau khi kết hôn, ông bà sống chung tại địa chỉ: xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó quan hệ vợ chồng lạnh nhạt, không còn tình cảm, không còn yêu thương và quan tâm chăm sóc nhau như vợ chồng. Ông H đã có người phụ nữ khác bên ngoài, bà đã nhiều lần khuyên can nhưng vẫn không thay đổi. Sau đó, ông H phạm tội, bị bắt và đang chấp hành án tại huyện H, tỉnh Bình Thuận mấy năm nay.

Hiện vợ chồng bà không còn tình cảm yêu thương, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Chứng minh nhân dân (sao y) của nguyên đơn và bị đơn; Đăng ký tạm trú (sao y).

Theo đơn nội dung Biên bản lấy lời khai ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận, bị đơn ông Phạm Công H trình bày: Ông với bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2014, đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào 2014. Trong cuộc sống vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì đáng kể. Tuy nhiên, hiện nay ông đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Z30D (từ năm 2016, với mức hình phạt 08 năm tù). Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý và không có ý kiến gì khác. Ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Ông Phạm Công H đã được Tòa án tổng đạt: Thông báo thụ lý vụ án và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, tại phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Ông Phạm Công H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T với ông Phạm Công H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 270, quyền số 02/2014, ngày 29/12/2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà T thì mâu thuẫn giữa bà với ông H là trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân là do ông bà không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó quan hệ vợ chồng lạnh nhạt, không còn tình cảm, không còn yêu thương và quan tâm chăm sóc nhau như vợ chồng. Mặt khác, ông H hiện đang chấp hành hình phạt tù từ năm 2016 đến nay và cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Tuy nhiên, ông không thể tham dự phiên Tòa nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T với ông H không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Các bên xác định không có nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung: Các bên xác định không có nên Tòa án không xem xét.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Các bên xác định không có nên Tòa không xem xét.

Về phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án: Về nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên nghị nhận.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần buộc bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Phạm Công H Giấy chứng nhận kết hôn số 270, quyển số 02/2014, ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T, ông H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có con chung

3. Về tài sản chung: Các bên xác định không có nên Tòa án không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Các bên xác định không có nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0022037 ngày 28/5/2019 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Xuân Lan